



Các lệnh trong Run

Các lệnh trong Run!

Hộp thoại Run cho phép bạn khởi động nhanh các chương trình ứng dụng trong Windows. Cũng thông qua hộp thoại Run, bạn có thể chạy nhiều ứng dụng ẩn hữu ích khác mà không mất nhiều thời gian tìm kiếm file thực thi của chúng.

Để mở hộp thoại Run bạn nhấn chọn Run từ menu Start hoặc có thể dùng tổ hợp phím nóng Windows + R.

1. Một số lệnh thông dụng để chạy chương trình từ hộp thoại Run:

Bạn có thể truy xuất tới các chương trình cài trong máy tính của bạn thông qua menu Start>All Programs>...>... Tuy nhiên cách làm như vậy có vẻ tốn thời gian. Và không phải mọi chương trình đều hiện diện trên đó. Bạn có thể chạy các chương trình nhanh hơn hoặc mở các chương trình ẩn bằng cách mở hộp thoại Run, sau đó điền vào các lệnh sau để mở các chương trình tương ứng.

devmgmt.msc = Device Manager

msinfo32 = System Information

cleanmgr = Disk Cleanup

ntbackup = Backup or Restore Wizard (Windows Backup Utility)

mmc = Microsoft Management Console

notepad = Notepad

wordpad = Wordpad

calc = Calculator

msmsgs = Windows Messenger

mspaint = Microsoft Paint

wmplayer = Windows Media Player

rstrui = System Restore

control = Control Panel

control printers = Printers and Faxes

Nếu trên máy bạn có cài sẵn MS Office bạn có thể dùng các lệnh sau để khởi động các chương trình trong bộ MS Office.

excel = Microsoft Excel

msaccess = Microsoft Access

powerpnt = Microsoft Powerpoint

winword = Microsoft Word

frontpg = Microsoft Frontpage

2. Chạy mọi ứng dụng với hộp thoại Run

Ở trên, bạn đã có thể chạy được Microsoft Excel, Microsoft Access, Microsoft Powerpoint, Microsoft Word, Microsoft Frontpage, NotePad, Windows Messenger, Windows Media Player,... từ hộp thoại Run. Đó là vì chúng là những chương trình tiện ích đi kèm với Windows, còn các ứng dụng khác thì bạn sẽ không thể chạy chúng bằng cách đó. Tuy nhiên với một thủ thuật nhỏ dưới đây, bạn có thể chạy mọi ứng dụng khác thông qua hộp thoại Run.

Khởi động Registry Editor (Start>Run>"regedit"), tìm đến khoá:
HKEY_LOCAL_MACHINE\ SOFTWARE\Microsoft\ Windows\CurrentVersion\App
Paths

Nhấn chuột phải lên App Paths, chọn New > Key. Đặt tên cho khóa mới tùy ý có dạng tên_chương_trình.exe, miễn sao gọi nhớ tới chương trình cần chạy là được. Ví dụ tôi cần chạy chương trình VirtualDrive nên tôi gọi là VirtualDrive.exe.

Nhấp đúp vào khóa mới tạo, trong phần cửa sổ bên phải, nhấp đúp chuột vào Default. Điền vào đường dẫn của chương trình trong trường Value Data, trong trường hợp ví dụ của tôi là: "C:\Program Files\FarStone\VDPro\VDProBrowse.exe"

Làm tương tự cho các ứng dụng khác. Từ bây giờ bạn đã có thể chạy các chương trình này trong hộp thoại Run bằng cách gõ tắt.

Bạn cũng có thể chỉnh sửa các giá trị đã tồn tại, ví dụ bạn muốn gõ word để chạy Microsoft Word thay vì winword như mặc định, bạn chỉnh sửa khoá 'Winword.exe' thành 'word.exe'.

3. Xoá các lệnh đã dùng trong hộp thoại Run

Khi bạn dùng hộp thoại Run để chạy các chương trình, lâu ngày sẽ có quá nhiều dòng lệnh, bạn có thể xoá chúng bằng cách dưới đây.

Nhấp chuột phải lên thanh Taskbar chọn Properties. Trong cửa sổ Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện, chuyển sang thẻ Start Menu, nhấn chọn Customize. Nếu bạn dùng Classic Start Menu nhấn Clear để xoá. Còn nếu bạn dùng Start Menu thì bấm Clear List trong thẻ Advanced để xoá.

4. Một số lệnh khác

- Accessibility Controls (chương trình cơ bản có trong Win) = access.cpl
- Add Hardware Wizard (tự động dò tìm phần cứng) = hdwiz.cpl
- Add/Remove Programs (thêm hoặc gỡ chương trình) = appwiz.cpl
- Administrative Tools (công cụ quản trị) = control admintools
- Automatic Updates (tự động cập nhật) = wuauclpl.cpl
- Bluetooth Transfer Wizard (khởi động Bluetooth) = fsquirt
- Calculator (máy tính) = calc
- Certificate Manager = certmgr.msc
- Character Map (bảng ký tự) = charmap
- Check Disk Utility (Kiểm tra đĩa) = chkdisk
- Clipboard Viewer (mở clipboard) = clipbrd
- Command Prompt (mở cửa sổ Dos) = cmd
- Component Services (quản lý các thành phần) = dcomcnfg
- Computer Management (quản lý máy) = compmgmt.msc
- Date and Time Properties (thuộc tính ngày giờ) = timedate.cpl
- DDE Shares (chia sẻ DDE) = ddshare
- Device Manager (quản lý thiết bị)= devmgmt.msc
- Direct X Control Panel (If Installed)* = directx.cpl
- Direct X Troubleshooter = dxdiag
- Disk Cleanup Utility (quét rác) = cleanmgr

- Disk Defragment (chống phân mảnh đĩa) = dfrg.msc
- Disk Management (quản lý đĩa) = diskmgmt.msc
- Disk Partition Manager (quản lý phân vùng) = diskpart
- Display Properties = control desktop
- Display Properties = desk.cpl
- Display Properties (w/Appearance Tab Preselected) = control color
- Dr. Watson System Troubleshooting Utility (xử lý lỗi hệ thống) = drwtsn32
- Driver Verifier Utility = verifier
- Event Viewer = eventvwr.msc
- File Signature Verification Tool = sigverif
- Findfast = findfast.cpl
- Folders Properties = control folders
- Fonts = control fonts
- Fonts Folder = fonts
- Free Cell Card Game = freecell
- Game Controllers = joy.cpl
- Group Policy Editor (XP Prof) = gpedit.msc
- Hearts Card Game = mshearts
- Iexpress Wizard = iexpress
- Indexing Service = ciadv.msc
- Internet Properties = inetcpl.cpl
- IP Configuration (Display Connection Configuration) = ipconfig /all
- IP Configuration (Display DNS Cache Contents) = ipconfig /displaydns
- IP Configuration (Delete DNS Cache Contents) = ipconfig /flushdns
- IP Configuration (Release All Connections) = ipconfig /release
- IP Configuration (Renew All Connections) = ipconfig /renew
- IP Configuration (Refreshes DHCP & Re-Registers DNS) = ipconfig /registerdns
- IP Configuration (Display DHCP Class ID) = ipconfig /showclassid
- IP Configuration (Modifies DHCP Class ID) = ipconfig /setclassid
- Java Control Panel (If Installed) = jpicpl32.cpl
- Java Control Panel (If Installed) = javaws
- Keyboard Properties = control keyboard
- Local Security Settings = secpol.msc
- Local Users and Groups = lusrmgr.msc
- Logs You Out Of Windows = logoff
- Microsoft Chat = winchat
- Minesweeper Game = winmine
- Mouse Properties = control mouse
- Mouse Properties = main.cpl
- Network Connections = control netconnections
- Network Connections = ncpa.cpl
- Network Setup Wizard = netsetup.cpl
- Notepad = notepad
- Nview Desktop Manager (If Installed) = nvtuicpl.cpl
- Object Packager = packager
- ODBC Data Source Administrator = odbccp32.cpl

- On Screen Keyboard = osk
- Opens AC3 Filter (If Installed) = ac3filter.cpl
- Password Properties = password.cpl
- Performance Monitor = perfmon.msc
- Performance Monitor = perfmon
- Phone and Modem Options = telephon.cpl
- Power Configuration = powercfg.cpl
- Printers and Faxes = control printers
- Printers Folder = printers
- Private Character Editor = eudcedit
- Quicktime (If Installed) = QuickTime.cpl
- Regional Settings = intl.cpl
- Registry Editor = regedit
- Registry Editor = regedit32
- Remote Desktop = mstsc
- Removable Storage = ntmsmgr.msc
- Removable Storage Operator Requests = ntmsoprq.msc
- Resultant Set of Policy (XP Prof) = rsop.msc
- Scanners and Cameras = sticpl.cpl
- Scheduled Tasks = control schedtasks
- Security Center = wscui.cpl
- Services = services.msc
- Shared Folders = fsmgmt.msc
- Shuts Down Windows = shutdown /s
- Sounds and Audio = mmsys.cpl
- Spider Solitaire Card Game = spider
- SQL Client Configuration = cliconfg
- System Configuration Editor = sysedit
- System Configuration Utility = msconfig
- System File Checker Utility (Scan Immediately)= sfc /scannow
- System File Checker Utility (Scan Once At Next Boot) = sfc /scanonce
- System File Checker Utility (Scan On Every Boot) = sfc /scanboot
- System File Checker Utility (Return to Default Setting) = sfc /revert
- System File Checker Utility (Purge File Cache) = sfc /purgecache
- System File Checker Utility (Set Cache Size to size x) = sfc /cachesize=x
- System Properties = sysdm.cpl
- Task Manager = taskmgr
- Telnet Client = telnet
- User Account Management = nusrmgr.cpl
- Utility Manager = utilman
- Windows Firewall (tường lửa) = firewall.cpl
- Windows Magnifier = magnify
- Windows Management Infrastructure = wimimgmt.msc
- Windows System Security Tool (công cụ bảo mật) = syskey
- Windows Update Launches = wupdmgr
- Windows XP Tour Wizard = tourstart

May 23 2009, 04:59 AM

Trích dẫn



Thành viên có tâm có huyết

Smod



Group: Đô đốc

Posts: 407

Joined: 23-April 09

Member No.: 5

VNĐ: 2.147.483.647

Member Inventory: [View](#)

[Army](#): 202076

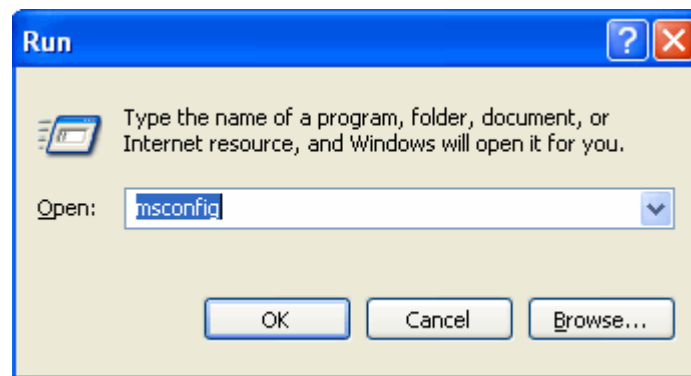
Country: 🇻🇳

Nick Y!M: kusicom_272

Quê quán: H3

Giới Tính: Male

Status: Offline





Hộp thoại Run cho phép bạn khởi động nhanh các chương trình ứng dụng trong Windows. Cũng thông qua hộp thoại Run, bạn có thể chạy nhiều ứng dụng ẩn hữu ích khác mà không mất nhiều thời gian tìm kiếm file thực thi của chúng.

Để mở hộp thoại Run bạn nhấn chọn Run từ menu Start hoặc có thể dùng tổ hợp phím nóng Windows + R.

1. Một số lệnh thông dụng để chạy chương trình từ hộp thoại Run:

Bạn có thể truy xuất tới các chương trình cài trong máy tính của bạn thông qua menu Start>All Programs>...>... Tuy nhiên cách làm như vậy có vẻ tốn thời gian. Và không phải mọi chương trình đều hiện diện trên đó. Bạn có thể chạy các chương trình nhanh hơn hoặc mở các chương trình ẩn bằng cách mở hộp thoại Run, sau đó điền vào các lệnh sau để mở các chương trình tương ứng.

devmgmt.msc = Device Manager
msinfo32 = System Information
cleanmgr = Disk Cleanup
ntbackup = Backup or Restore Wizard (Windows Backup Utility)
mmc = Microsoft Management Console
notepad = Notepad
wordpad = Wordpad
calc = Calculator
msmsgs = Windows Messenger
mspaint = Microsoft Paint
wmplayer = Windows Media Player
rstrui = System Restore
control = Control Panel
control printers = Printers and Faxes

QUOTE

appwiz.cpl : Chạy chương trình Add/Remove Programs
Calc : Chạy chương trình máy tính điện tử
cfgwiz32 : Cấu hình ISDN
Charmap : Mở bảng ký tự đặc biệt
Chkdisk : Sửa chữa những tập tin bị hỏng
Cleanmgr : Chạy chương trình dọn dẹp ổ đĩa (Disk Cleanup)
Clipbrd : Mở cửa sổ Clipboard Viewer
Control : Hiện thị Control Panel
Cmd : Mở cửa sổ Window Command
control mouse : Sử dụng để điều chỉnh đặc tính của chuột
dcomcnfg : Chạy ứng dụng Component Services

Debug : Khởi động chương trình ngôn ngữ lập trình Assembly
Defrag : Chạy chương trình chống phân mảnh ổ đĩa cứng
Drwatson : Tìm kiếm những chương trình bị lỗi
Dxdiag : Khởi động tiện ích chuẩn đoán DirectX
Explorer : Mở trình duyệt tập tin Windows Explorer
Fontview : Xem font chữ đồ họa
fsmgmt.msc : Sử dụng để mở những thư mục chia sẻ (Shared Folder)
firewall.cpl : Sử dụng để đặt cấu hình cho tường lửa của Windows
ftp : Mở chương trình FTP
hdwwiz.cpl : Sử dụng để chạy chương trình Add Hardware
Ipconfig : Hiển thị cấu hình IP của tất cả các card mạng
Logoff : Sử dụng để Logoff máy vi tính
Mmc : Khởi động chương trình Microsoft Management Console
Msconfig : Cấu hình để chỉnh sửa tập tin khởi động
Mstsc : Sử dụng để truy cập Remote desktop
Mrc : Khởi động tiện ích xoá bỏ những phần mềm gây hại
msinfo32 : Mở tiện ích xem thông tin hệ thống của máy vi tính
Nbtstat : Hiển thị các kết nối hiện tại đang sử dụng NetBIOS thông qua giao thức TCP/IP
Netstat : Hiển thị tất cả những kích hoạt kết nối mạng
Nslookup : Quay lại máy chủ DNS cục bộ
Osk : Sử dụng để truy cập bàn phím ảo trên màn hình
perfmon.msc : Sử dụng để cấu hình sự thực thi của máy vi tính
Ping : Gửi dữ liệu tới host/IP
powercfg.cpl : Sử dụng để cấu hình cho tùy chọn nguồn cấp năng lượng (điện)
regedit : Chỉnh sửa Registry
Regwiz : Đăng ký
sfc /scannow : Kiểm tra tập tin hệ thống
sndrec32 : Mở chương trình ghi âm
Shutdown : Sử dụng để tắt máy vi tính
Spider : Sử dụng để mở trò chơi Spider Solitaire
sfc/scannow : Sử dụng để khởi động tiện ích kiểm tra tập tin hệ thống
sndvol32 : Mở bảng điều chỉnh âm lượng
sysedit : Chỉnh sửa tập tin khởi động
taskmgr : Mở bảng chương trình quản lý tác vụ
telephon.cpl : Sử dụng để cấu hình những tùy chọn của Modem
telnet : Chạy chương trình Telnet
Winchat : Sử dụng để chat với Microsoft
Wmplayer : Sử dụng để chạy chương trình Windows Media Player
Wab : Sử dụng để mở cửa sổ Address Book
winWord : Sử dụng để mở chương trình Microsoft Word
Winipcfg : Hiển thị cấu hình IP
Winver : Sử dụng để kiểm tra phiên bản của HĐH đang sử dụng
Wupdmgr : Liên kết tới website cập nhật của Microsoft
Write : Sử dụng để mở WordPad

Nếu trên máy bạn có cài sẵn MS Office bạn có thể dùng các lệnh sau để khởi động các chương trình trong bộ MS Office.

excel = Microsoft Excel

msaccess = Microsoft Access

powerpnt = Microsoft Powerpoint

winword = Microsoft Word

frontpg = Microsoft Frontpage

2. Chạy mọi ứng dụng với hộp thoại Run

Ở trên, bạn đã có thể chạy được Microsoft Excel , Microsoft Access, Microsoft Powerpoint, Microsoft Word, Microsoft Frontpage, NotePad, Windows Messenger, Windows Media Player,... từ hộp thoại Run. Đó là vì chúng là những chương trình tiện ích đi kèm với Windows, còn các ứng dụng khác thì bạn sẽ không thể chạy chúng bằng cách đó. Tuy nhiên với một thủ thuật nhỏ dưới đây, bạn có thể chạy mọi ứng dụng khác thông qua hộp thoại Run:

-Khởi động Registry Editor (Start>Run>"regedit"), tìm đến khoá:

HKEY_LOCAL_MACHINE\ SOFTWARE\Microsoft\ Windows\CurrentVersion\App Paths

Nhấn chuột phải lên App Paths, chọn New > Key. Đặt tên cho khóa mới tùy ý có dạng tên_chương_trình.exe, miễn sao gọi nhớ tới chương trình cần chạy là được. Ví dụ tôi cần chạy chương trình VirtualDrive nên tôi gọi là VirtualDrive.exe.

Nhấp đúp vào khóa mới tạo, trong phần cửa sổ bên phải, nhấp đúp chuột vào Default.

Điền vào đường dẫn của chương trình trong trường Value Data, trong trường hợp ví dụ của tôi là: "C:\Program Files\FarStone\VDPPPro\VDPPProBrowse.exe"

Làm tương tự cho các ứng dụng khác. Từ bây giờ bạn đã có thể chạy các chương trình này trong hộp thoại Run bằng cách gõ tắt.

Bạn cũng có thể chỉnh sửa các giá trị đã tồn tại, ví dụ bạn muốn gõ word để chạy Microsoft Word thay vì winword như mặc định, bạn chỉnh sửa khoá 'Winword.exe' thành 'word.exe'.

3. Xoá các lệnh đã dùng trong hộp thoại Run

Khi bạn dùng hộp thoại Run để chạy các chương trình, lâu ngày sẽ có quá nhiều dòng lệnh, bạn có thể xoá chúng bằng cách dưới đây:

- Nhấp chuột phải lên thanh Taskbar chọn Properties. Trong cửa sổ Taskbar and Start Menu Properties xuất hiện, chuyển sang thẻ Start Menu, nhấn chọn Customize. Nếu bạn dùng Classic Start Menu nhấn Clear để xoá. Còn nếu bạn dùng Start Menu thì bấm Clear List trong thẻ Advanced để xoá.

4. Một số lệnh khác

QUOTE

- Accessibility Controls (chương trình cơ bản có trong Win) = access.cpl

- Add Hardware Wizard (tự động dò tìm phần cứng) = hdwwiz.cpl
- Add/Remove Programs (thêm hoặc gỡ chương trình) = appwiz.cpl
- Administrative Tools (công cụ quản trị) = control admintools
- Automatic Updates (tự động cập nhật) = wuauclt.cpl
- Bluetooth Transfer Wizard (khởi động Bluetooth) = fsquirt
- Calculator (máy tính) = calc
- Certificate Manager = certmgr.msc
- Character Map (bảng ký tự) = charmap
- Check Disk Utility (kiểm tra đĩa) = chkdsk
- Clipboard Viewer (mở clipboard) = clipbrd
- Command Prompt (mở cửa sổ Dos) = cmd
- Component Services (quản lý các thành phần) = dcomcnfg
- Computer Management (quản lý máy) = compmgmt.msc
- Date and Time Properties (thuộc tính ngày giờ) = timedate.cpl
- DDE Shares (chia sẻ DDE) = ddeshare
- Device Manager (quản lý thiết bị) = devmgmt.msc
- Direct X Control Panel (If Installed)* = directx.cpl
- Direct X Troubleshooter = dxdiag
- Disk Cleanup Utility (quét rác) = cleanmgr
- Disk Defragment (chống phân mảnh đĩa) = dfrg.msc
- Disk Management (quản lý đĩa) = diskmgmt.msc
- Disk Partition Manager (quản lý phân vùng) = diskpart
- Display Properties = control desktop
- Display Properties = desk.cpl
- Display Properties (w/Appearance Tab Preselected) = control color
- Dr. Watson System Troubleshooting Utility (xử lý lỗi hệ thống) = drwtsn32
- Driver Verifier Utility = verifier
- Event Viewer = eventvwr.msc
- File Signature Verification Tool = sigverif
- Findfast = findfast.cpl
- Folders Properties = control folders
- Fonts = control fonts
- Fonts Folder = fonts
- Free Cell Card Game = freecell
- Game Controllers = joy.cpl
- Group Policy Editor (XP Prof) = gpedit.msc
- Hearts Card Game = mshearts
- Iexpress Wizard = iexpress
- Indexing Service = ciadv.msc
- Internet Properties = inetctl.cpl
- IP Configuration (Display Connection Configuration) = ipconfig /all
- IP Configuration (Display DNS Cache Contents) = ipconfig /displaydns
- IP Configuration (Delete DNS Cache Contents) = ipconfig /flushdns
- IP Configuration (Release All Connections) = ipconfig /release
- IP Configuration (Renew All Connections) = ipconfig /renew
- IP Configuration (Refreshes DHCP & Re-Registers DNS) = ipconfig /registerdns

- IP Configuration (Display DHCP Class ID) = ipconfig /showclassid
- IP Configuration (Modifies DHCP Class ID) = ipconfig /setclassid
- Java Control Panel (If Installed) = jpicpl32.cpl
- Java Control Panel (If Installed) = javaws
- Keyboard Properties = control keyboard
- Local Security Settings = secpol.msc
- Local Users and Groups = lusrmgr.msc
- Logs You Out Of Windows = logoff
- Microsoft Chat = winchat
- Minesweeper Game = winmine
- Mouse Properties = control mouse
- Mouse Properties = main.cpl
- Network Connections = control netconnections
- Network Connections = ncpa.cpl
- Network Setup Wizard = netsetup.cpl
- Notepad = notepad
- Nview Desktop Manager (If Installed) = nvtuicpl.cpl
- Object Packager = packager
- ODBC Data Source Administrator = odbccp32.cpl
- On Screen Keyboard = osk
- Opens AC3 Filter (If Installed) = ac3filter.cpl
- Password Properties = password.cpl
- Performance Monitor = perfmon.msc
- Performance Monitor = perfmon
- Phone and Modem Options = telephon.cpl
- Power Configuration = powercfg.cpl
- Printers and Faxes = control printers
- Printers Folder = printers
- Private Character Editor = eudcedit
- Quicktime (If Installed) = QuickTime.cpl
- Regional Settings = intl.cpl
- Registry Editor = regedit
- Registry Editor = regedit32
- Remote Desktop = mstsc
- Removable Storage = ntmsmgr.msc
- Removable Storage Operator Requests = ntmsoprq.msc
- Resultant Set of Policy (XP Prof) = rsop.msc
- Scanners and Cameras = sticpl.cpl
- Scheduled Tasks = control schedtasks
- Security Center = wscui.cpl
- Services = services.msc
- Shared Folders = fsmgmt.msc
- Shuts Down Windows = shutdown /s
- Sounds and Audio = mmsys.cpl
- Spider Solitaire Card Game = spider
- SQL Client Configuration = cliconfg

- System Configuration Editor = sysedit
- System Configuration Utility = msconfig
- System File Checker Utility (Scan Immediately)= sfc /scannow
- System File Checker Utility (Scan Once At Next Boot) = sfc /scanonce
- System File Checker Utility (Scan On Every Boot) = sfc /scanboot
- System File Checker Utility (Return to Default Setting) = sfc /revert
- System File Checker Utility (Purge File Cache) = sfc /purgecache
- System File Checker Utility (Set Cache Size to size x) = sfc /cachesize=x
- System Properties = sysdm.cpl
- Task Manager = taskmgr
- Telnet Client = telnet
- User Account Management = nusrmgr.cpl
- Utility Manager = utilman
- Windows Firewall (tường lửa) = firewall.cpl
- Windows Magnifier = magnify
- Windows Management Infrastructure = wmimgmt.msc
- Windows System Security Tool (công cụ bảo mật) = syskey
- Windows Update Launches = wupdmgr
- Windows XP Tour Wizard = tourstart

6 công cụ hữu ích giúp sửa lỗi máy tính khi bị nhiễm virus Khi virus có " công lực" đủ mạnh xâm nhập vào máy tính, đa phần chúng sẽ khoá các ứng dụng như Task Manager (taskmgr.exe), Registry Editor (regedit.exe), Command Prompt (cmd.exe), System Configuration Utility (msconfig.exe), không cho cấu hình Folder Options và ẩn Run từ Start Menu.

Như vậy, virus sẽ phần nào tránh được "bàn tay sắt" của các chuyên gia với những công cụ kiểm tra và quản lý sẵn có trong Windows.

Thông thường, khi phát hiện ra có chương trình nghi vấn, công cụ đầu tiên người dùng sẽ sử dụng là Task Manager. Nếu Task Manager bị khoá thì có thể dùng tới dòng lệnh trong DOS ảo, nhưng CMD cũng rất dễ bị "tiêu huỷ". Các công cụ của Windows khác như cấu hình msconfig, registry...đóng một vai trò quan trọng để kiểm tra hệ thống. Và cũng như Task Manager hay CMD, đây là những đối tượng bị virus khử đầu tiên.

Để sử dụng được các công cụ bị virus phá hoại đó, người dùng có thể sử dụng một số ứng dụng miễn phí thay thế sau trong những trường hợp khẩn cấp.

1. Công cụ thay thế Task Manager

Task Manager có vai trò rất quan trọng bởi lẽ đây là nơi ta có thể thấy được tất cả các ứng dụng đang chạy cũng như các thông số về bộ nhớ và CPU đang dùng. Nếu tìm thấy bất kỳ ứng dụng nào nghi vấn, bạn có thể thử tắt nó đi. Khi không thể chạy được Task Manager, Windows sẽ hiển thị lỗi “Task Manager has been disabled by your administrator”. Với Process Explorer, một công cụ portable nhỏ gọn có thể sử dụng ngay trên ổ flash USB, Task Manager của bạn sẽ được "bồi hoàn" nguyên trạng kèm theo nhiều tính năng mở rộng khác nữa.

2. Công cụ thay thế Registry Editor

Khi không truy cập được registry của Windows, bạn sẽ không thể thay đổi các cấu hình các thiết lập của hệ điều hành và máy tính nói chung. Cách duy nhất khả thi là nhập vào tập tin REG chứa thông tin cấu hình registry. Một khi virus khoá registry, người dùng sẽ nhận được thông báo “Registry editing has been disabled by your administrator” khi chạy registry với lệnh regedit trong Run. Một công cụ tốt có thể thay thế regedit là RegAlyzer, được phát triển bởi tác giả công cụ anti-spyware SpyBot nổi tiếng. Bạn cần phải cài RegAlyzer nhưng có thể sao chép toàn bộ tập tin cài đặt RegAlyzer trên USB và sử dụng như một ứng dụng portable.

3. Công cụ thay thế Command Prompt

Command Prompt là công cụ điều khiển bằng dòng lệnh mạnh mẽ với sự hỗ trợ nhiều loại lệnh khác nhau ngay cả khi bạn không tìm trong Windows. Lúc bị virus khoá, sẽ có hiển thị “The command prompt has been disabled by your administrator. Press any key to continue” nếu bạn cố gắng gõ CMD trong Run. GS là công cụ có thể thay thế cmd nhưng hiện vẫn chưa có phiên bản nâng cấp thay thế cho phiên bản năm 2005 đã cũ. GS hoàn toàn miễn phí, nhỏ gọn và có dạng portable.

4. Công cụ thay thế hộp thoại Run

Thật khó khi khôi phục lại hộp thoại Run một khi bị virus phá hoại. Mặc dù nó không thật sự quan trọng nhưng với hộp thoại Run, bạn có thể sử dụng các câu lệnh đầy sức mạnh. Run Dialog là một công cụ thay thế nhỏ gọn, có dung lượng chỉ 48 KB và không phải cài đặt. Nếu bạn có sẵn Process Explorer, có thể tận dụng để dùng hộp thoại Run chứa các dòng lệnh từ File > Run hoặc nhấn CTRL+R.

5. Công cụ thay thế System Configuration Utility

MSCONFIG là nơi đầu tiên bạn có thể kiểm tra xem liệu máy của mình có bị nhiễm virus hay không. Nếu như chạy lệnh msconfig và vào tab Startup, sẽ thấy các chương trình đáng ngờ khởi động cùng Windows. Các virus "tinh ranh" thường sẽ xoá tập tin msconfig.exe gốc hoặc thay đổi chút ít thông số của MSCONFIG trong registry để có thể ẩn mình. Khi msconfig bị khoá, bạn sẽ nhận được thông báo "Windows cannot find 'msconfig'. Make sure you typed the name correctly, and then try again. To search for a file, click the Start button, and then click Search."

Một công cụ thay thế rất hữu ích là Autoruns, một chương trình có cùng tác giả với Process Explorer. Autoruns có thể nhận diện được tất cả các ứng dụng ẩn mình ở bất kỳ vị trí nào trên máy sẽ khởi động cùng Windows.

6. Khôi phục tính năng lựa chọn hiển thị thư mục và bảo vệ các tập tin hệ điều hành

Khi virus xâm nhập, nó sẽ thay đổi cài đặt chế độ hiển thị thư mục khiến người dùng không thể nhận diện được các tập tin ẩn và tập tin hệ thống. Với FreeCommander, bạn có thể khôi phục được cấu hình cài đặt cũ, cũng như giúp bảo vệ các tập tin hệ điều hành mà không liên can gì với các thông số cài đặt trong Folder Options. FreeCommander được giới thiệu ở đây là một ứng dụng portable có thể sử dụng trên USB khi cần thiết.

Với 6 công cụ trên, bạn đã có thể khôi phục lại các thông số cài đặt của hệ điều hành một cách đơn giản, ngay cả khi gặp những loại virus mạnh mẽ nhất.

[Các Lệnh Trong Run](#)

dohoangdat90

11-03-2009, 06:46 PM

Đôi khi chúng ta rất khó chịu, mò kiếm chằm chạp để xem thông tin, hay chỉnh sửa ngay chính trên các cửa sổ lệnh Windows. TH nghĩ nếu ai đó biết 1 số chức năng và chương trình có thể chạy được từ dòng RUN, điều này sẽ giúp rất nhanh hơn nhiều so với việc mò mẫn trong cửa sổ các chương trình.

Mở chức năng Run và ý nghĩa các lệnh sau đây:ThumbsUp:

1/ access.cpl :điều chỉnh các chức năng tăng cường cho bàn phím,chuột,âm thanh,màn hình....

2/ appwiz.cpl :trình gỡ bỏ các ứng dụng được cài đặt trên máy hoặc thêm vào.Bạn cũng có thể điều chỉnh các thành phần được cài kèm hệ điều hành Windows.Trong Windows chúng ta có thể thông qua chương trình này để cài đặt phân quyền phần mềm cho người dùng trên máy(nếu bạn có quyền admin.

3/ Fsquirt :trình cài đặt trao đổi tập tin thông qua kết nối Bluetooth

4/ Calc :chương trình máy tính điện tử, hỗ trợ đầy đủ các phép tính có trên một máy tính dành cho học sinh

5/ certmgr.msc :trình quản lý chứng nhận cho phần mềm, người dùng,máy con,...dành cho nhà quản trị.

6/ Chkdsk :kiểm tra và sửa chữa các lỗi trên đĩa cứng(cả lỗi logic và lỗi physic)

7/ Clipbrd: Xem các nội dung được chép vào Clipboard.Nếu bạn không biết Clipboard là gì thì hãy nhớ thao tác COPY và PASTE hết sức quen thuộc trên Windows. Khi bạn copy, nội dung sẽ được lưu trong Clipboard, khi paste thì nội dung được lấy từ Clipboard và đặt vào vị trí cần thiết.

8/ dcomcnfg :trình quản lý các chương trình dịch vụ trên Windows.

9/ timedate.cpl :trình thiết lập về ngày giờ

10/ devmgmt.msc :trình quản lý thiết bị

11/ cleanmgr :tiện ích soạn đĩa. Trình này giúp xóa bớt các tập tin rác để tăng dung lượng trống của đĩa cứng.

12/ Dfrg.msc :trình dọn đĩa, các tập tin trên đĩa cứng , đặc biệt là các tập tin có dung lượng khá lớn thường được lưu rời rạc, không liên tục.Điều đó làm giảm hiệu suất hoạt động của máy tính. Bạn hãy dùng chương trình này để dọn các tập tin này lại.

13/ diskpart :quản lý phân vùng đĩa cứng

14/ control.exe desktop :quản lý màn hình.Bạn vào đây để chỉnh màn hình nền,screen saver, độ phân giải...

15/ drwtsn32 :chương trình này giúp chúng ta xem các lỗi do phần mềm gây ra trên máy.Đặc biệt các bạn có thể xem các lỗi Dump.

16/ control.exe folders :quản lý các vấn đề về hiển thị thư mục trong windows explorer

17/ secpol.msc :thiết lập cho bảo mật cục bộ

18/ winchat :chương trình dùng để chat giữa các máy chạy trong windows. Chú ý: nếu các bạn có cài FIREWALL thì tắt đi mới có thể sử dụng được.

19/ ac3filter.cpl :bộ lọc âm thanh AC3(tùy máy có cài hay không)

20/ password.cpl :cài đặt mật mã

21/ printers :thư mục các máy in

22/ rsop.msc :thể hiện các chính sách trên máy

23/ mmsys.cpl :cài đặt âm thanh

24/ msconfig :cấu hình hệ thống

25/ sfc :kiểm tra tính đúng đắn của các tập tin hệ thống

Các lệnh hữu ích trong -> RUN

giúp mọi người thao tác nhanh hơn.

Accessibility Controls
access.cpl

Add Hardware Wizard
hdwwiz.cpl

Add/Remove Programs
appwiz.cpl

Administrative Tools
control admintools

Automatic Updates
wuaucpl.cpl

Bluetooth Transfer Wizard
fsquirt

Calculator

calc

Certificate Manager
certmgr.msc

Character Map
charmap

Check Disk Utility
chkdsk

Clipboard Viewer
clipbrd

Command Prompt
cmd

Component Services
dcomcnfg

Computer Management
compmgmt.msc

Date and Time Properties
timedate.cpl

DDE Shares
ddeshare

Device Manager
devmgmt.msc

Direct X Control Panel (If Installed)*
directx.cpl

Direct X Troubleshooter
dxdiag

Disk Cleanup Utility
cleanmgr

Disk Defragment
dfrg.msc

Disk Management
diskmgmt.msc

Disk Partition Manager
diskpart

Display Properties
control desktop

Display Properties
desk.cpl

Display Properties (w/Appearance Tab Preselected)
control color

Dr. Watson System Troubleshooting Utility
drwtsn32

Driver Verifier Utility
verifier

Event Viewer
eventvwr.msc

File Signature Verification Tool
sigverif

Findfast
findfast.cpl

Folders Properties
control folders

Fonts
control fonts

Fonts Folder
fonts

Free Cell Card Game
freecell

Game Controllers
joy.cpl

Group Policy Editor (XP Prof)
gpedit.msc

Hearts Card Game
mshearts

Iexpress Wizard
iexpress

Indexing Service
ciadv.msc

Internet Properties
inetcpl.cpl

IP Configuration (Display Connection Configuration)
ipconfig /all

IP Configuration (Display DNS Cache Contents)
ipconfig /displaydns

IP Configuration (Delete DNS Cache Contents)
ipconfig /flushdns

IP Configuration (Release All Connections)
ipconfig /release

IP Configuration (Renew All Connections)
ipconfig /renew

IP Configuration (Refreshes DHCP & Re-Registers DNS)
ipconfig /registerdns

IP Configuration (Display DHCP Class ID)
ipconfig /showclassid

IP Configuration (Modifies DHCP Class ID)
ipconfig /setclassid

ava Control Panel (If Installed)
jpicpl32.cpl

Java Control Panel (If Installed)
javaws

Keyboard Properties
control keyboard

Local Security Settings

secpol.msc

Local Users and Groups
lusrmgr.msc

Logs You Out Of Windows
logoff

Microsoft Chat
winchat

Minesweeper Game
winmine

Mouse Properties
control mouse

Mouse Properties
main.cpl

Network Connections
control netconnections

Network Connections
ncpa.cpl

Network Setup Wizard
netsetup.cpl

Notepad
notepad

Nview Desktop Manager (If Installed)
nvtuicpl.cpl

Object Packager
packager

ODBC Data Source Administrator
odbccp32.cpl

On Screen Keyboard
osk

Opens AC3 Filter (If Installed)
ac3filter.cpl

Password Properties
password.cpl

Performance Monitor
perfmon.msc

Performance Monitor
perfmon

Phone and Modem Options
telephon.cpl

Power Configuration
powercfg.cpl

Printers and Faxes
control printers

Printers Folder
printers

Private Character Editor
eudcedit

Quicktime (If Installed)
QuickTime.cpl

Regional Settings
intl.cpl

Registry Editor
regedit

Registry Editor
regedit32

Remote Desktop
mstsc

Removable Storage
ntmsmgr.msc

Removable Storage Operator Requests
ntmsoprq.msc

Resultant Set of Policy (XP Prof)
rsop.msc

Scanners and Cameras
sticpl.cpl

Scheduled Tasks
control schedtasks

Security Center
wscui.cpl

Services
services.msc

Shared Folders
fsmgmt.msc

Shuts Down Windows
shutdown

Sounds and Audio
mmsys.cpl

Spider Solitaire Card Game
spider

SQL Client Configuration
cliconfg

System Configuration Editor
sysedit

System Configuration Utility
msconfig

System File Checker Utility (Scan Immediately)
sfc /scannow

System File Checker Utility (Scan Once At Next Boot)
sfc /scanonce

System File Checker Utility (Scan On Every Boot)
sfc /scanboot

System File Checker Utility (Return to Default Setting)

sfc /revert

System File Checker Utility (Purge File Cache)

sfc /purgecache

System File Checker Utility (Set Cache Size to size x)

sfc /cachesize=x

System Properties

sysdm.cpl

Task Manager

taskmgr

Telnet Client

telnet

User Account Management

nusrmgr.cpl

Utility Manager

utilman

Windows Firewall

firewall.cpl

Windows Magnifier

magnify

Windows Management Infrastructure

wmimgmt.msc

Windows System Security Tool

syskey

Windows Update Launches

wupdmgr

Windows XP Tour Wizard

tourstart

Wordpad

write



Mắt anh mắt em mắt ai to
 Xích lại gần nhau để mà đo
 Mắt chưa đo được môi đã chạm
 Môi chạm mắt nhắm làm sao đo
 BillGate đã ký
 Và đóng dấu
<http://binhphuoc24h.com/>



The Following User Says Thank You to VoDanh8668 For This Useful Post:

luongkhiem (10-05-2008)

#2 ([permalink](#))

10-05-2008, 01:52 AM



luongkhiem | 
 L K
www.binhphuoc.org

Gia nhập: Thu Aug 2007
 Tuổi: 23
 Bài gửi: 1,061
 Thanks: 294
 Thanked 167 Times in 113 Posts



^^Cái này hay đó !! Lk cũng thuộc được 1 số câu lệnh thường dùng !! Xài khá tiện lợi và Pro hơn :)

My site :

- <http://luongkhiem.com>
- <http://binhphuoc.org>
- <http://thegioimang.org>



Web [Hình Ảnh](#) [Nhóm](#) [Thư Mục](#)

[Tìm Kiếm Nâng Cao](#)
[Tùy chọn](#)
[Đưa Cú Hiện Nay](#)

Tim kiếm: web những trang viết bằng tiếng Việt những trang từ Việt Nam



[#3 \(permalink\)](#)

10-05-2008, 02:37 AM



VoDanh8668 | 
BPIT Member

Gia nhập: Sat May 2008

Bài gửi: 32

Thanks: 0

Thanked 5 Times in 4 Posts



Thêm nữa đây Tổng hợp phím tắt

Ở đây mình xin giới thiệu phím tắt của các phần mềm cơ bản mà ai cũng đã dùng :

- Microsoft Windows

Ctrl + C sao chép

Ctrl + X cắt

Ctrl + V dán

Ctrl + Z hoàn lại tác vụ vừa thực hiện.

Delete xóa

Shift + Delete xóa vĩnh viễn một đối tượng, không phục hồi được bằng cách vào thùng rác.

Ctrl + kéo thả sao chép đối tượng đang chọn

Ctrl + Shift + kéo thả tạo lối tắt cho đối tượng đang chọn

F2 đổi tên đối tượng đang chọn

Ctrl + > di chuyển con trỏ đến một điểm chèn về phía sau 1 từ

Ctrl + < di chuyển con trỏ đến một điểm chèn về trước sau 1 từ

Ctrl + mũi tên lên di chuyển con trỏ đến một điểm chèn lên trên một đoạn

Ctrl + mũi tên xuống di chuyển con trỏ đến một điểm chèn xuống dưới một đoạn

Ctrl + Shift + mũi tên chọn một khối văn bản.

Shift + mũi tên chọn các đối tượng trên màn hình Desktop, trong cửa sổ Windows, trong các phần mềm soạn thảo

Ctrl + A chọn tất cả

F3 tìm kiếm một tập tin, thư mục.

Ctrl + O mở một đối tượng

Alt + Enter xem thuộc tính của đối tượng đang chọn

Alt + F4 đóng đối tượng đang kích hoạt, thoát chương trình đang kích hoạt

Ctrl + F4 đóng cửa sổ con trong ứng dụng đa cửa sổ như Word, Excel...

Alt + Tab chuyển đổi qua lại giữa các cửa sổ đang mở.

Alt + ESC Di chuyển vòng quanh theo thứ tự các đối tượng đang mở

F6 Di chuyển vòng quanh các phần tử giống nhau trong một cửa sổ hoặc trên màn hình Desktop.

F4 số nội dung của thanh địa chỉ trong cửa sổ My Computer hoặc Windows Explorer.

Shift + F10 hiển thị thực đơn tắt (thực đơn ngữ cảnh) của đối tượng đang chọn

Alt + phím cách hiển thị thực đơn hệ thống (System menu) của cửa sổ đang kích hoạt.

Ctrl + ESC hiển thị thực đơn Start

Alt + ký tự gạch chân trên thực đơn lệnh thực hiện lệnh tương ứng.

Ký tự gạch chân trong một thực đơn đang mở thực hiện lệnh tương ứng trong thực đơn đang mở

F10 kích hoạt thanh thực đơn lệnh của ứng dụng đang được kích hoạt

->, <-, Up, Down di chuyển giữa các đối tượng đang chọn trong cửa sổ, giữa các nhánh

lệnh trên thanh thực đơn lệnh.

F5 cập nhật cho cửa sổ đang kích hoạt.

Backspace trở về thư mục cấp trên liền kề của thư mục hiện tại trong cửa sổ My Computer hoặc Windows Explorer.

ESC bỏ qua tác vụ hiện tại

Giữ Shift khi bỏ đĩa CD ngăn cản việc chạy các chương trình tự động từ đĩa CD

Ctrl + Tab chuyển sang thẻ kế tiếp trong hộp thoại

Ctrl + Shift + Tab chuyển về thẻ phía trước trong hộp thoại

Tab chuyển đến các phần lựa chọn, lệnh kế tiếp

Shift + Tab chuyển về các phần lựa chọn, lệnh phía trước

Alt + Ký tự gạch chân thực hiện lệnh tương ứng có ký tự gạch chân

Enter thực hiện thiết lập hoặc nút nhấn đang kích hoạt

Phím cách chọn hoặc bỏ chọn trong ô chọn (checkbox)

Mũi tên chọn một nút nếu đang ở trong một nhóm có nhiều nút chọn

F1 hiển thị phần trợ giúp

F4 hiển thị danh sách giá trị của đối tượng đang kích hoạt

Backspace trở về thư mục cấp cao hơn liền kề trong các hộp thoại lưu và mở

MS Word

Ctrl + N tạo mới một tài liệu

Ctrl + O mở tài liệu

Ctrl + S Lưu tài liệu

Ctrl + C sao chép văn bản

Ctrl + X cắt nội dung đang chọn

Ctrl + V dán văn bản

Ctrl + F bật hộp thoại tìm kiếm

Ctrl + H bật hộp thoại thay thế

Ctrl + P Bật hộp thoại in ấn

Ctrl + Z hoàn trả tình trạng của văn bản trước khi thực hiện lệnh cuối cùng

Ctrl + Y phục hồi hiện trạng của văn bản trước khi thực hiện lệnh Ctrl + Z

Ctrl + F4, Ctrl + W, Alt + F4 đóng văn bản, đóng cửa sổ Ms Word

Shift + --> chọn một ký tự phía sau

Shift + <-- chọn một ký tự phía trước

Ctrl + Shift + --> chọn một từ phía sau

Ctrl + Shift + <-- chọn một từ phía trước

Shift + chọn một hàng phía trên

Shift + $\bar{\quad}$ chọn một hàng phía dưới

Ctrl + A chọn tất cả đối tượng, văn bản, slide tùy vị trí con trỏ đang đứng

) xóa một ký tự phía trước.←Backspace (Delete xóa một ký tự phía sau con trỏ hoặc các đối tượng đang chọn.

) xóa một từ phía trước.←Ctrl + Backspace (

Ctrl + Delete xóa một từ phía sau

Ctrl + Mũi tên Di chuyển qua 1 ký tự

Ctrl + Home Về đầu văn bản

Ctrl + End Về vị trí cuối cùng trong văn bản

Ctrl + Shift + Home Chọn từ vị trí hiện tại đến đầu văn bản.

Ctrl + Shift + End Chọn từ vị trí hiện tại đến cuối văn bản

Ctrl + B Định dạng in đậm

Ctrl + D Mở hộp thoại định dạng font chữ

Ctrl + I Định dạng in nghiêng.

Ctrl + U Định dạng gạch chân.

Ctrl + E Canh giữa đoạn văn bản đang chọn

Ctrl + J Canh đều đoạn văn bản đang chọn

Ctrl + L Canh trái đoạn văn bản đang chọn

Ctrl + R Canh phải đoạn văn bản đang chọn

Ctrl + M Định dạng thụt đầu dòng đoạn văn bản

Ctrl + Shift + M Xóa định dạng thụt đầu dòng

Ctrl + T Thụt dòng thứ 2 trở đi của đoạn văn bản

Ctrl + Shift + T Xóa định dạng thụt dòng thứ 2 trở đi của đoạn văn bản

Ctrl + Q Xóa định dạng canh lề đoạn văn bản

Ctrl + Shift + C Sao chép định dạng vùng dữ liệu đang có định dạng cần sao chép.

Ctrl + Shift + V Dán định dạng đã sao chép vào vùng dữ liệu đang chọn.

Alt, F10 Kích hoạt menu lệnh

Ctrl + Tab, Ctrl + Shift + Tab thực hiện sau khi thanh menu được kích hoạt dùng để chọn giữa các thanh menu và thanh công cụ.

Tab, Shift + Tab chọn nút tiếp theo hoặc nút trước đó trên menu hoặc toolbars.

Enter thực hiện lệnh đang chọn trên menu hoặc toolbar.

Shift + F10 hiển thị menu ngữ cảnh của đối tượng đang chọn.

Alt + Spacebar hiển thị menu hệ thống của cửa sổ.

Home, End chọn lệnh đầu tiên, hoặc cuối cùng trong menu con.

Tab di chuyển đến mục chọn, nhóm chọn tiếp theo

Shift + Tab di chuyển đến mục chọn, nhóm chọn phía trước

Ctrl + Tab di chuyển qua thẻ tiếp theo trong hộp thoại

Shift + Tab di chuyển tới thẻ phía trước trong hộp thoại

Alt + Ký tự gạch chân chọn hoặc bỏ chọn mục chọn đó

Alt + Mũi tên xuống hiển thị danh sách của danh sách sổ

Enter chọn 1 giá trị trong danh sách sổ

ESC tắt nội dung của danh sách sổ

Ctrl + Shift + =: Tạo chỉ số trên. Ví dụ m₃

Ctrl + =: Tạo chỉ số dưới. Ví dụ H₂O.

Tab di chuyển tới và chọn nội dung của ô kế tiếp. Hoặc tạo 1 dòng mới nếu đang đứng ở ô cuối cùng của bảng

Shift + Tab di chuyển tới và chọn nội dung của ô liền kế trước nó

Nhấn giữ phím Shift + các phím mũi tên để chọn nội dung của các ô

Ctrl + Shift + F8 + Các phím mũi tên mở rộng vùng chọn theo từng khối

Shift + F8 giảm kích thước vùng chọn theo từng khối

Ctrl + 5 (khi đèn Num Lock tắt) chọn nội dung cho toàn bộ bảng

Alt + Home về ô đầu tiên của dòng hiện tại

Alt + End về ô cuối cùng của dòng hiện tại

Alt + Page up về ô đầu tiên của cột

Alt + Page down về ô cuối cùng của cột

Mũi tên lên Lên trên một dòng

Mũi tên xuống xuống dưới một dòng

F1 trợ giúp

F2 di chuyển văn bản hoặc hình ảnh. (Chọn hình ảnh, nhấn F2, kích chuột vào nơi đến, nhấn Enter)

F3 chèn chữ tự động (tương ứng với menu Insert - AutoText)

F4 lặp lại hành động gần nhất

F5 thực hiện lệnh Goto (tương ứng với menu Edit - Goto)

F6 di chuyển đến panel hoặc frame kế tiếp

F7 thực hiện lệnh kiểm tra chính tả (tương ứng menu Tools - Spellings and Grammars)

F8 mở rộng vùng chọn

F9 cập nhật cho những trường đang chọn

F10 kích hoạt thanh thực đơn lệnh

F11 di chuyển đến trường kế tiếp

F12 thực hiện lệnh lưu với tên khác (tương ứng menu File - Save As...)

Shift + F1 hiển thị con trỏ trợ giúp trực tiếp trên các đối tượng

Shift + F2 sao chép nhanh văn bản

Shift + F3 chuyển đổi kiểu ký tự hoa - thường

Shift + F4 lặp lại hành động của lệnh Find, Goto

Shift + F5 di chuyển đến vị trí có sự thay đổi mới nhất trong văn bản

Shift + F6 di chuyển đến panel hoặc frame liền kề phía trước

Shift + F7 thực hiện lệnh tìm từ đồng nghĩa (tương ứng menu Tools - Thesaurus).

Shift + F8 rút gọn vùng chọn

Shift + F9 chuyển đổi qua lại giữ đoạn mã và kết quả của một trường trong văn bản.

Shift + F10 hiển thị thực đơn ngữ cảnh (tương ứng với kích phải trên các đối tượng trong văn bản)

Shift + F11 di chuyển đến trường liền kề phía trước.

Shift + F12 thực hiện lệnh lưu tài liệu (tương ứng với File - Save hoặc tổ hợp Ctrl + S)

Ctrl + F2 thực hiện lệnh xem trước khi in (tương ứng File - Print Preview).

Ctrl + F3 cắt một Spike

Ctrl + F4 đóng cửa sổ văn bản (không làm đóng cửa sổ Ms Word).

Ctrl + F5 phục hồi kích cỡ của cửa sổ văn bản

Ctrl + F6 di chuyển đến cửa sổ văn bản kế tiếp.

Ctrl + F7 thực hiện lệnh di chuyển trên menu hệ thống.

Ctrl + F8 thực hiện lệnh thay đổi kích thước cửa sổ trên menu hệ thống.

Ctrl + F9 chèn thêm một trường trống.

Ctrl + F10 phóng to cửa sổ văn bản.

Ctrl + F11 khóa một trường.

Ctrl + F12 thực hiện lệnh mở văn bản (tương ứng File - Open hoặc tổ hợp Ctrl + O).

Ctrl + Shift + F3 chèn nội dung cho Spike.

Ctrl + Shift + F5 chỉnh sửa một đánh dấu (bookmark)

Ctrl + Shift + F6 di chuyển đến cửa sổ văn bản phía trước.

Ctrl + Shift + F7 cập nhật văn bản từ những tài liệu nguồn đã liên kết (chẳng hạn như văn bản nguồn trong trộn thư).

Ctrl + Shift + F8 mở rộng vùng chọn và khối.

Ctrl + Shift + F9 ngắt liên kết đến một trường.

Ctrl + Shift + F10 kích hoạt thanh thước kẻ.

Ctrl + Shift + F11 mở khóa một trường

Ctrl + Shift + F12 thực hiện lệnh in (tương ứng File - Print hoặc tổ hợp phím Ctrl + P).

Alt + F1 di chuyển đến trường kế tiếp.

Alt + F3 tạo một từ tự động cho từ đang chọn.

Alt + F4 thoát khỏi Ms Word.

Alt + F5 phục hồi kích cỡ cửa sổ.

Alt + F7 tìm những lỗi chính tả và ngữ pháp tiếp theo trong văn bản.

Alt + F8 chạy một marco.

Alt + F9 chuyển đổi giữa mã lệnh và kết quả của tất cả các trường.

Alt + F10 phóng to cửa sổ của Ms Word.

Alt + F11 hiển thị cửa sổ lệnh Visual Basic.

Alt + Shift + F1 di chuyển đến trường phía trước.

Alt + Shift + F2 thực hiện lệnh lưu văn bản (tương ứng Ctrl + S).

Alt + Shift + F9 chạy lệnh GotoButton hoặc MarcoButton từ kết quả của những trường trong văn bản.

Alt + Shift + F11 hiển thị mã lệnh.

Ctrl + Alt + F1 hiển thị thông tin hệ thống.

Ctrl + Alt + F2 thực hiện lệnh mở văn bản (tương ứng Ctrl + O)

Microsoft Exel

Ctrl + A Chọn toàn bộ bảng tính

Ctrl + C Sao chép. Enter: dán một lần.

Ctrl + V dán nhiều lần

Ctrl + F Bật hộp thoại tìm kiếm

Ctrl + H Bật hộp thoại tìm kiếm và thay thế.

Ctrl + N Tạo mới một bảng tính trắng

Ctrl + P Bật hộp thoại in ấn

Ctrl + S Lưu bảng tính

Ctrl + X cắt một nội dung đang chọn

Ctrl + Z Phục hồi thao tác trước đó

Ctrl + * Chọn vùng dữ liệu liên quan đến ô hiện tại.

Ctrl + F4, Alt + F4 Đóng bảng tính, đóng Excel

Ctrl + Mũi tên Di chuyển đến vùng dữ liệu kế tiếp

Ctrl + Home Về ô A1

Ctrl + End về ô có dữ liệu cuối cùng

Ctrl + Shift + Home Chọn từ ô hiện tại đến ô A1

Ctrl + Shift + End Chọn từ ô hiện tại đến ô có dữ liệu cuối cùng
Ctrl + Spacebar: Chèn cột

Shift + Spacebar: Chèn dòng

Shift + F11: Chèn một trang bảng tính mới

Ctrl + G: Bật hộp thoại Go to để đến một mảng đã được đặt tên trong bảng tính.

Shift + F3: Nhập công thức bằng cửa sổ Insert Function

Ctrl + Shift + Enter : Kết thúc một công thức mảng

Ctrl + F3: Đặt tên mảng cho một vùng dữ liệu.

F3: Dán một tên mảng vào công thức.

Ctrl + 0 : Ẩn các cột đang chọn.

Ctrl + Shift + 0: Hiện các cột bị ẩn trong vùng đang chọn.

Ctrl + Tab, hoặc Ctrl + F6 để chuyển đổi qua lại giữa các bảng tính đang mở.

Ctrl + Page Up: Chuyển sang sheet trước.

Ctrl + Page Down: Chuyển sang sheet kế tiếp

Chọn một nội dung cần sao chép, nhấn Ctrl + C.

Nhập địa chỉ vùng ô cần dán nội dung vào mục Name Box trên thanh Fomular dạng <ô đầu> : <ô cuối>

Nhấn Enter để dán nội dung vào vùng ô trên

Nhấn tổ hợp phím Ctrl + Enter sau khi nhập để không di chuyển con trỏ sang ô kế tiếp

Hoặc vào menu Tools - Options. Chọn thẻ Edit. Bỏ chọn mục Move selection after Enter Direction.

Microsoft PowerPoint

F6 di chuyển theo kim đồng hồ giữa các đối tượng trong chế độ Normal View.

Shift + F6 di chuyển theo chiều ngược kim đồng hồ giữa các đối tượng trong chế độ Normal View.

Ctrl + Shift + Tab chuyển đổi qua lại giữa 2 thẻ Slides và Outline trong chế độ Normal View.

Ctrl + N tạo mới một trình chiếu

Ctrl + M tạo mới một trang trình chiếu (Slide).

Ctrl + D tạo một bản copy của trang trình chiếu đang chọn.

Ctrl + O mở một trình chiếu.

Ctrl + W đóng một trình chiếu.

Ctrl + P in một trình chiếu.

Ctrl + S lưu một trình chiếu.

F5 chạy trình chiếu.

Alt + F4 thoát khỏi PowerPoint

Ctrl + F tìm kiếm

Ctrl + H thay thế

Ctrl + K chèn một siêu liên kết.

F7 kiểm tra chính tả

ESC thoát khỏi một hành động trên menu hoặc hộp thoại.

Ctrl + Z trở về lệnh trước.

Ctrl + Y phục hồi tình trạng trước khi thực hiện Ctrl + Z.

Alt + Shift + <-- tăng cấp một đoạn

Alt + Shift + --> giảm cấp một đoạn

Alt + Shift + Up di chuyển các đoạn đang chọn lên trên.

Alt + Shift + Down di chuyển các đoạn đang chọn xuống dưới.

Alt + Shift + dấu cộng: số nội dung bên dưới các tiêu đề trong mỗi slide.
Alt + Shift + dấu trừ thu gọn nội dung bên dưới các tiêu đề trong mỗi slide.
Alt + Shift + A mở rộng để hiển thị tất cả các nội dung và tiêu đề.
Alt + U chọn một hình có sẵn Autoshaps trong thanh công cụ Drawings.
Ctrl + Enter vẽ hình vào trong slide.
Ctrl + Shift + G nhóm các đối tượng đồ họa đang chọn thành một nhóm.
Ctrl + Shift + H phân rã một nhóm.
Shift + F9 ẩn / hiện thị đường kẻ ô dạng lưới trên màn hình thiết kế Slide.
Alt + F9 ẩn / hiện đường kẻ ngang và dọc định vị trên Slide.
Ctrl + G thiết lập giá trị khác cho đường lưới và đường định vị trên slide.
Ctrl + Shift + C sao chép định dạng một đối tượng.
Ctrl + Shift + V dán sao chép định dạng vào đối tượng đang chọn.
Shift + --> chọn một ký tự phía sau.
Shift + <-- chọn một ký tự phía trước.
Ctrl + Shift + --> chọn một từ phía sau.
Ctrl + Shift + <-- chọn một từ phía trước.
chọn một hàng phía trên. € Shift + ↶
chọn một hàng phía dưới. € ↓ Shift +
Ctrl + A chọn tất cả đối tượng, văn bản, slide tùy vị trí con trỏ đang đứng.
) xóa một ký tự phía trước. ← Backspace (
Delete xóa một ký tự phía sau con trỏ hoặc các đối tượng đang chọn.
) xóa một từ phía trước. ← Ctrl + Backspace (
Ctrl + Delete xóa một từ phía sau.

Internet Explorer

F1 hiển thị trợ giúp

F11 bật tắt chế độ xem trang web ở chế độ toàn màn hình

TAB di chuyển giữa vùng hiển thị trang web, thanh địa chỉ (Address bar), thanh công cụ liên kết (Links Bar).

Shift + TAB tương tự như phím TAB.

Alt + Home trở về trang chủ mặc định do bạn thiết lập

Alt + > Di chuyển đến trang tiếp theo

Alt + < hoặc Backspace Di chuyển đến trang trước đó

Shift + F10 hiển thị thực đơn tắt

Ctrl + Tab hoặc F6 di chuyển tới các khung (frame) tiếp theo

Ctrl + Shift + Tab di chuyển tới các khung phía trước

Các phím mũi tên cuộn trang web theo các hướng mũi tên

Home di chuyển đến vị trí đầu tiên của trang web

End di chuyển đến vị cuối cùng của trang web

Ctrl + F tìm kiếm trên trang web đang mở

F5 hoặc Ctrl + R làm tươi, cập nhật lại nội dung trang web

ESC ngừng tải một trang web

Ctrl + O, Ctrl + L di chuyển đến một địa điểm mới: một địa chỉ, một trang web, hoặc một tài nguyên trên mạng.

Ctrl + N mở một cửa sổ mới

Ctrl + W đóng trang web hiện tại

Ctrl + S lưu trang web hiện tại.

Ctrl + P in trang web hiện tại hoặc khung đang được kích hoạt

Enter Kích hoạt liên kết đang chọn

Ctrl + E đóng/ mở cửa sổ tìm kiếm

Ctrl + I đóng / mở cửa sổ Favorites

Ctrl + H đóng/ mở cửa sổ History Phím tắt Chức năng

Alt + P chọn lựa các máy in, thiết lập cho trang in

Alt + U Thay đổi tiêu đề đầu trang, chân trang, lề giấy

Alt + Home Hiển thị trang đầu tiên để in

Alt + < hiển thị trang phía trước để in

Alt + A đánh số trang mà bạn cần in

Alt + > hiển thị trang tiếp theo để in

Alt + End hiển thị trang cuối dùng để in

Alt + Dấu trừ thu nhỏ màn hình hiển thị trang in

Alt + Dấu cộng phóng to màn hình hiển thị trang in

Alt + Z hiển thị tỷ lệ phóng màn hình hiển thị trang in

Alt + F chỉ định có bao nhiêu khung được in trong trường hợp trang web có nhiều khung.

Alt + C đóng màn hình xem trước khi in. Phím tắt Chức năng

Alt + D chọn văn bản trên thanh địa chỉ

F4 liệt kê danh sách các địa chỉ trên thanh địa chỉ

Ctrl + > khi đang trên thanh địa chỉ, di chuyển đến con trỏ qua một dấu gạch chéo hoặc một khoảng trống.

Ctrl + < khi đang trên thanh địa chỉ, di chuyển về trước một dấu gạch chéo hoặc một khoảng trống.

Ctrl + Enter chèn chữ "

To view links or images in this forum your post count must be 1 or greater. You currently have 0 posts.

phía trước hoặc ".com" ở phía sau một địa chỉ

Ctrl + D lưu trang hiện tại vào Favorites.

Ctrl + B mở mục quản lý Favorites

Alt + mũi tên lên di chuyển địa chỉ lên trên

Alt + mũi tên xuống di chuyển địa chỉ xuống dưới

Windows Media Player

Ctrl + P Phát hoặc tạm dừng một tập tin (nhạc, video)

Ctrl + S Ngừng phát một tập tin (nhạc, video)

F8 Tắt / mở âm thanh

F10 Tăng âm lượng

F9 giảm âm lượng

Ctrl + B Phát một tập tin phía trước tập tin hiện hành trong danh sách

Ctrl + F Phát một tập tin kế tiếp tập tin hiện hành trong danh sách

Ctrl + Shift + B tua lại

Ctrl + Shift + F tua tới

Ctrl + Shift + G phát nhanh hơn tốc độ bình thường

Ctrl + Shift + N phát với tốc độ bình thường

Ctrl + Shift + S phát chậm hơn tốc độ bình thường
Alt + C Sao chép các track - bài nhạc trên đĩa CD Audio

Alt + S Ngừng việc sao chép các bài nhạc

Alt + A Hiển thị tên album của các bài nhạc để tìm và cập nhật thông tin về chúng từ Internet. Hoặc ẩn thông tin về album.

Alt + I Hiển thị hoặc ẩn thông tin về album.

Alt + I Hiển thị hoặc ẩn các thông tin về các album.

Alt + A Hiển thị menu từ nút Play List trong cửa sổ Media Library

Alt + S Ẩn / hiện hộp thoại tìm kiếm

Alt + N Tìm kiếm các bộ sưu tập

Alt + D Hiển thị menu từ nút Add trong cửa sổ.

Ctrl + N Tạo một danh sách các bài nhạc mới

Alt + A Sửa đổi lại các danh sách các bài hát đã tạo

Alt + C Sao chép các tập tin đang chọn vào đĩa CD, hoặc thiết bị khác

Alt + L Ngừng việc sao chép các tập tin

Delete Xóa các tập tin đang chọn

Ctrl + 2 lần dấu + Làm cho các cột Title, Status, Length, Size tự động thay đổi độ rộng

vừa với nội dung bên trong nó.

F5 Cập nhật thông tin trong các khung cửa sổ

Alt + A Cập nhật giao diện đang chọn thay cho giao diện hiện hành.

Alt + S Truy cập và tải thêm các skin mới từ Microsoft

Delete Xóa skin đang chọn

Alt + F Sổ các lệnh trong thực đơn lệnh File

Ctrl + O Mở một tập tin nhạc, video

Ctrl + U Chỉ đến một đường dẫn trên Internet để phát các tập tin nhạc, video

Ctrl + W Đóng hoặc dùng phát một tập tin nhạc, video

Ctrl + N Tạo một danh sách các bản nhạc mới

Ctrl + D Chỉnh sửa danh sách các bản nhạc hiện hành

F3 Tìm kiếm một tập tin nhạc, video từ địa chỉ được chỉ định, có thể là các ổ đĩa trong máy hoặc một đường dẫn trên Internet.

Alt + F4 Thoát khỏi Windows Media

Alt + V Sổ các lệnh trong thực đơn lệnh View

Ctrl + 1 Hiện thị dưới dạng cửa sổ mặc định

Ctrl + 2 Hiện thị dưới dạng giao diện skin đã chọn

Ctrl + M Hiện thị thanh thực đơn lệnh trong chế độ cửa sổ mặc định

Ctrl + Shift + M Tự động ẩn thanh thực đơn lệnh trong chế độ cửa sổ mặc định

Ctrl + I Chụp hình một ảnh từ đĩa DVD

Alt + Enter Hiện thị video trong chế độ toàn màn hình

Alt + 1 Hiện thị video ở tỷ lệ 50%

Alt + 2 Hiện thị video ở tỷ lệ 100%

Alt + 3 Hiện thị video ở tỷ lệ 200% Alt + P Sổ các lệnh trong thực đơn lệnh Play.

Ctrl + H Phát các bản nhạc, video trong danh sách một cách ngẫu nhiên - không theo thứ tự

Ctrl + T Phát lặp lại danh sách khi hết bài cuối cùng trong danh sách

Ctrl + Shift + C Bật, tắt tiêu đề và phụ đề các bản nhạc, video

Ctrl + E Mở hoặc đóng khay các ổ CD / DVD

Mozilla FireFox

Alt + < hoặc Backspace quay về trang trước

Alt + > hoặc Shift + Backspace tiến tới trang trước khi quay về

Alt + Home trở về trang chủ mặc định

Ctrl + O mở một trang

F5 hoặc Ctrl + R tải lại một trang

Ctrl + F5 hoặc Ctrl + Shift + R tải lại một trang và ghi đè lên vùng đệm

Esc dừng tải một trang Home di chuyển về phía đầu trang

End di chuyển về phía cuối trang

F6 di chuyển đến khung tiếp theo

Shift + F6 di chuyển đến khung phía trước

Ctrl + U xem mã nguồn của trang

Ctrl + P in trang hiện hành

Ctrl + S lưu trang hiện hành

Ctrl + - giảm cỡ chữ

Ctrl + + tăng cỡ chữ

Ctrl + 0 phục hồi cỡ chữ mặc định

Ctrl + C sao chép

Ctrl + X cắt

Delete xóa

Ctrl + V dán

Ctrl + Z hoàn lại tác vụ vừa thực hiện

Ctrl + Y phục hồi lại tác vụ vừa hoàn tác

Ctrl + A chọn tất cả Ctrl + F Tìm kiếm

F3, Ctrl + G Tìm lại nội dung cũ

' tìm một liên kết mà bạn gõ vào

/ tìm một nội dung mà bạn gõ vào

Shift + F3 tìm những nội dung phía trước

Ctrl + K, Ctrl + E tìm trang web, khi đó Firefox sẽ liên kết đến máy tìm kiếm Google

Ctrl + W, Ctrl + F4 Đóng một thẻ của Firefox

Ctrl + Shift + W, Alt + F4 Đóng cửa sổ Firefox

Ctrl + Mũi tên trái, Ctrl + Mũi tên lên Chuyển thẻ sang bên trái (khi thẻ đang được chọn)

Ctrl + Mũi tên phải, Ctrl + Mũi tên xuống Chuyển thẻ sang bên phải (khi thẻ đang được chọn)

Ctrl + Home Chuyển thẻ về vị trí đầu tiên (khi thẻ đang được chọn)

Ctrl + End Chuyển thẻ về vị trí cuối cùng (khi thẻ đang được chọn)

Ctrl + T Tạo một thẻ mới

Ctrl + N Tạo một cửa sổ Firefox mới

Ctrl + Tab, Ctrl + Page Down Chuyển sang duyệt thẻ tiếp theo.

Alt + Enter Mở địa chỉ đang chọn sang một thẻ mới

Ctrl + Shift + Tab, Ctrl + Page Up Chuyển sang duyệt thẻ phía trước.

Ctrl + (1 đến 9) Chuyển sang duyệt thẻ theo số thứ tự. Ctrl + Shift + D Đánh dấu tất

cả các thẻ

Ctrl + D Đánh dấu trang hiện hành

Ctrl + B, Ctrl + I Hiển thị cửa sổ quản lý các đánh dấu

Ctrl + J Hiển thị cửa sổ trình quản lý download

Ctrl + H Hiển thị cửa sổ quản lý nhật ký lịch sử truy cập

Ctrl + Shift + Delete Xóa những thông tin riêng tư được lưu trong lúc truy cập như địa chỉ email, mật khẩu ... Ctrl + Enter thêm

To view links or images in this forum your post count must be 1 or greater. You currently have 0 posts.

vào địa chỉ bạn đã gõ

Shift + Enter thêm

To view links or images in this forum your post count must be 1 or greater. You currently have 0 posts.

vào địa chỉ bạn đã gõ

Ctrl + Shift + Enter thêm

To view links or images in this forum your post count must be 1 or greater. You currently have 0 posts.

. org vào địa chỉ bạn đã gõ

Shift + Del Xóa những thông tin đã gõ trong các ô chữ được lưu lại phục vụ cho chức năng AutoComplete.

F11 bật tắt chế độ xem trang web toàn màn hình

Ctrl + M mở cửa sổ soạn email mới - khi đó Firefox sẽ liên kế đến trình gửi mail mặc định Outlook Express.

Alt + D, Ctrl + L, F6 chuyển con trỏ và chọn vùng thanh địa chỉ trang web.

MICROSOFT ACCESS

Ctrl + N tạo mới một cơ sở dữ liệu

Ctrl + O mở một cơ sở dữ liệu

Ctrl + P Mở hộp thoại in ấn

Esc Thoát khỏi chế độ xem trước khi in - Print Preview

Ctrl + S, Shift + F12, Alt + Shift + F2 Lưu một đối tượng của cơ sở dữ liệu (CSDL) với tên khác

F12, Alt + F2 Mở hộp thoại Save As để lưu một đối tượng với tên khác.

Alt + F4 Thoát khỏi MS Access

F4, Alt + Mũi tên xuống Mở danh sách các giá trị trong Combobox, Listbox

F9 Cập nhật nội dung các giá trị bên trong Combobox, Listbox

Mũi tên xuống Di chuyển để chọn giá trị tiếp theo trong danh sách

Mũi tên lên Di chuyển để chọn giá trị phía trước trong danh sách

Pg Down Di chuyển để chọn giá trị ở trang tiếp theo trong danh sách

Pg Up Di chuyển để chọn giá trị ở trang phía trước trong danh sách

Enter Chọn giá trị hiện tại

Tab Thoát khỏi Listbox, Combobox

Ctrl + F Tìm kiếm văn bản - tức hiển thị thẻ Find của hộp thoại Find and Replace.

Ctrl + H Thay thế văn bản, dữ liệu - tức hiển thị thẻ Replace của hộp thoại Find and Replace.

Shift + F4 tìm kiếm sự xuất hiện tiếp theo (nếu có) của văn bản hoặc dữ liệu đã được chỉ định.

F2 Chuyển đổi giữa chế độ chỉnh sửa và chế độ chọn (bôi đen) nội dung.

F5 Chuyển đổi giữa chế độ chạy (Form View) và chế độ thiết kế (Design View)

F6 Di chuyển giữa các khung trong màn hình thiết kế (Dùng trong chế độ thiết kế bảng, macro..)

F7 Chuyển đổi giữa chế độ viết mã lệnh (Code Builder) và chế độ thiết kế của báo cáo.

Shift + F7 Chuyển đổi qua lại giữa màn hình viết code Visual Basic và màn hình thiết kế báo cáo.

Ctrl + C Sao chép các đối tượng

Ctrl + X Cắt các đối tượng đang chọn

Ctrl + V Dán các đối tượng

Ctrl + --> Dịch chuyển các đối tượng qua bên phải

Ctrl + <-- Dịch chuyển các đối tượng đang chọn qua bên trái

Ctrl + Up Dịch chuyển các đối tượng lên trên

Ctrl + Down Dịch chuyển các đối tượng xuống dưới

Shift + Up Tăng chiều cao

Shift + Down Giảm chiều cao

Shift + --> Tăng độ rộng

Shift + <-- Giảm độ rộng

F11 Hiện thị cửa sổ Database ra trước

Ctrl + F6 Di chuyển qua lại giữa các cửa sổ trong cơ sở dữ liệu

Ctrl + F8 Bật chế độ thay đổi độ rộng cho cửa sổ

Alt + Phím cách Hiện thị thanh thực đơn lệnh hệ thống của cửa sổ

Shift + F10 Hiện thị thực đơn lệnh tắt

Ctrl + W, Ctrl + F4 Đóng cửa sổ đang kích hoạt

Alt + F11 Chuyển đổi giữa cửa sổ Visual Basic và cửa sổ kích hoạt trước đó

Alt + Shift + F11 Chuyển sang cửa sổ Microsoft Script từ cửa sổ đang kích hoạt trước đó

F2 Sửa tên một đối tượng: bảng, form, report...

Ctrl + Tab, Ctrl + Shift + Tab Chuyển qua lại giữa các thẻ ở cửa sổ bên trái.

Enter Mở form ở chế độ chạy (form View) hoặc mở các bảng, truy vấn ở chế độ xem dữ liệu (Datasheet View), hoặc thực thi đối với các macro.

Ctrl + Enter, Alt + D Mở các đối tượng ở chế độ thiết kế (Design View)

Alt + N Tạo mới một đối tượng - tùy thuộc vào bạn đang đứng trong thẻ nào của cửa

số Database.

F5 Cập nhật nội dung

Ctrl + G Hiện thị ngay lập tức cửa sổ Visual Basic để viết mã lệnh.

MICROSOFT FONTPAGE

Ctrl + N tạo mới một trang web

Ctrl + O mở một trang web

Ctrl + F4 đóng một trang web

Ctrl + S lưu một trang web

Ctrl + P in một trang web

F5 cập nhật, làm tươi nội dung một trang web

Ctrl + Tab chuyển đổi qua lại giữa các trang Web

Ctrl + Shift + B xem trang web bằng trình duyệt web

Alt + F4 thoát khỏi Frontpage

Ctrl + Shift + 8 hiển thị những ký tự không được in ra

Ctrl + / hiển thị các thẻ HTML

Ctrl + F tìm kiếm

Ctrl + H thay thế

F7 kiểm tra chính tả một trang web

Shift + F7 tìm một từ đồng nghĩa

Esc bỏ qua một thao tác đang thực hiện

Ctrl + Z, Alt + BackSpace trở về trạng thái trước khi thực hiện lệnh cuối cùng

Ctrl + Y, Shift + Alt + BackSpace lùi lại trạng thái trước khi thực hiện Ctrl + Z

Alt + Enter Hiện thị cửa sổ định dạng Font

Ctrl + Shift + F thay đổi kiểu chữ (font)

Ctrl + Shift + P thay đổi cỡ chữ

Ctrl + B định dạng in đậm

Ctrl + U định dạng gạch chân

Ctrl + I định dạng in nghiêng

Ctrl + dấu cộng (bàn phím số) định dạng chỉ số trên

Ctrl + dấu trừ (bàn phím số) định dạng chỉ số dưới

Ctrl + Shift + C sao chép định dạng

Ctrl + Shift + V dán định dạng

Ctrl + Shift + Z, Ctrl + phím cách xóa định dạng trở về định dạng mặc định

Ctrl + E canh giữa đoạn

Ctrl + L canh trái đoạn

Ctrl + R canh phải đoạn

Ctrl + M thụt lề đoạn từ biên trái

Ctrl + Shift + M thụt lề đoạn từ biên phải

Ctrl + Shift + S áp dụng một kiểu cho đoạn

Ctrl + Shift + N áp dụng kiểu mặc định

Ctrl + Alt + 1 áp dụng kiểu Heading 1

Ctrl + Alt + 2 áp dụng kiểu Heading 2

Ctrl + Shift + L áp dụng kiểu danh sách liệt kê

Backspace (←) xóa một ký tự phía trước

Delete xóa một ký tự phía sau con trỏ hoặc các đối tượng đang chọn

Ctrl + Backspace (↵) xóa một từ phía trước

Ctrl + Delete xóa một từ phía sau

Ctrl + C, Ctrl + Insert sao chép một nội dung, hình ảnh

Ctrl + X, Shift + Delete cắt một nội dung, hình ảnh

Ctrl + V, Shift + Insert dán một nội dung, hình ảnh

Shift + Enter chèn thêm một dòng trống

Ctrl + Shift + Phím cách chèn một ký tự không phải là khoảng trống

OUTLOOK EXPRESS

Ctrl + P in nội dung một tin nhắn

Ctrl + M gửi và nhận email về từ máy chủ chứa mail.

Delete, Ctrl + D xóa một email.

Ctrl + N mở cửa sổ soạn thảo mới email.

Ctrl + Shift + B mở sổ địa chỉ.

Ctrl + R trả lời lại cho tác giả email đang chọn.

Ctrl + F chuyển tiếp nội dung email.

Ctrl + Shift + R, Ctrl + G trả lời tất cả

Ctrl + I di chuyển đến hộp thư đến.

Ctrl + >, Ctrl + Shift + > di chuyển đến tin nhắn kế tiếp trong danh sách.

Ctrl + <, Ctrl + Shift + < di chuyển đến tin nhắn phía trước trong danh sách.

Alt + Enter xem thuộc tính của tin nhắn.

F5 cập nhật những những thư và tiêu đề mới

Ctrl + U di chuyển đến thư chưa đọc kế tiếp

Ctrl + Shift + U di chuyển đến các tin tức, cuộc đàm luận chưa đọc kế tiếp.

Ctrl + Y di chuyển đến một thư mục. Ctrl + O, Enter mở một email đang chọn.

Ctrl + Enter, Ctrl + Q đánh dấu một thư là đã đọc.

TAB di chuyển giữa các đối tượng trong cửa sổ.

Ctrl + Shift + A đánh dấu tất cả các tin nhắn là đã đọc.

Ctrl + W di chuyển đến một nhóm tin nhắn.

Ctrl + J di chuyển đến một nhóm tin nhắn hoặc một thư mục chưa đọc.

Ctrl + Shift + M tải những tin nhắn mới để đọc ngoại tuyến.

ESC đóng một tin nhắn.

F3 tìm kiếm một nội dung.

Ctrl + Shift + F tìm kiếm một tin nhắn.

Ctrl + TAB di chuyển qua lại giữa các thẻ Edit, Source, và Previews.

Ctrl + K, Alt + K kiểm tra các tên.

F7 kiểm tra chính tả.

Ctrl + Shift + S chèn chữ ký.

Ctrl + Enter, Alt + S gửi một tin nhắn.

Adobe Acrobat

Ctrl + O Mở một tập tin ebook dạng *.dps

Ctrl + W Đóng ebook đang đọc

Ctrl + Shift + S Lưu ebook với tên khác (tạo bản sao)

Ctrl +D Tóm tắt thuộc tính của ebook

Ctrl + Alt + F Liệt kê các kiểu chữ (font) được sử dụng trong tài liệu gốc trước khi chuyển thành dạng hình ảnh *.dps

Ctrl + Alt +S Thiết lập chế độ bảo mật cho tài liệu

Ctrl + Shift + P Định dạng trang in

Ctrl + P In ebook

Ctrl + Q Thoát khỏi Acrobat Reader

Ctrl + Z Hoàn lại tác vừa thực hiện

Ctrl + Shift + Z Phục hồi lại tác vụ vừa hoàn.

Ctrl + C Sao chép

Ctrl + X Cắt

Ctrl + V Dán

Ctrl + A Chọn tất cả

Ctrl + Shift + A BỎ chọn tất cả

Ctrl + F Tìm kiếm

Ctrl + G Tìm lại nội dung đã tìm trước đó

Ctrl + I Xem thuộc tính

Ctrl + Shift + Pg up Chuyển về trang đầu tiên trong tài liệu

Ctrl + Shift + Pg Down Chuyển về trang cuối cùng trong tài liệu

<-- Chuyển tới trang trước trang hiện hành

--> Chuyển tới trang tiếp theo trang hiện hành

Ctrl + N Chuyển đến trang được chỉ định bằng số thứ tự trang trong ebook

Alt + <-- Chuyển đến mục đã xem trước đó

Alt + --> Chuyển đến mục đã xem tiếp theo

Alt + Shift + <-- Chuyển đến ebook phía trước

Alt + Shift + --> Chuyển đến ebook tiếp theo

Ctrl + K Thiết lập ứng dụng theo ý người sử dụng.

Ctrl + L Hiển thị ebook ở chế độ toàn màn hình

Ctrl + + Phóng to

Ctrl + - Thu nhỏ

Ctrl + M Hiển thị theo tỷ lệ xác định

Ctrl + 0 Đưa nội dung vừa với độ rộng của cửa sổ

Ctrl + 1 Hiển thị với kích thước mặc định của tài liệu

Ctrl + 2 Hiển thị vừa với độ rộng của vùng hiển thị (cửa sổ bên phải)

Ctrl + Shift + + Quay tài liệu theo chiều kim đồng hồ.

Ctrl + Shift + - Quay tài liệu theo chiều ngược kim đồng hồ.

Ctrl + Shift + J Sắp chồng các cửa sổ ebook đang mở lên để thấy được tất cả các ebook đang mở.

Ctrl + Shift + K Hiển thị tiêu đề các ebook theo phương ngang

Ctrl + Shift + L Hiển thị tiêu đề các ebook theo phương thẳng đứng

Ctrl + Alt + W Đóng tất cả các ebook đang mở

F8 Ẩn hiện các thanh công cụ

F9 Ẩn hiện thanh thực đơn lệnh chính

F5 Hiển thị các đánh dấu trong ebook, dạng tiêu đề chính của các trogn trong cửa sổ bên trái.

F4 Hiển thị các trang dưới dạng thu nhỏ trong cửa sổ bên trái.

Total Comander

F1 trợ giúp

F2 Mở lại cửa sổ nguồn

F3 Xem các tập tin

F4 Chỉnh sửa tập tin đang chọn

F5 Sao chép tập tin, thư mục

F6 Di chuyển hoặc đổi tên thư mục

F7 Tạo thư mục mới

F8 Xóa tập tin, thư mục

F9 Kích hoạt thanh thực đơn lệnh phía trên cửa sổ nguồn

F10 Kích hoạt thanh thực đơn lệnh bên trái.

Alt + F1 Đổi ổ đĩa bên cửa sổ trái

Alt + F2 Đổi ổ đĩa bên cửa sổ phải

Alt + F3 Sử dụng các trình xem tập tin thay thế

Alt + F4 Thoát khỏi Total Commander

Alt + F5 Nén tập tin, thư mục

Alt + Shift + F5 Nén và xóa nguồn

Alt + F7 Tìm kiếm

Alt + F8 Mở lịch sử các lệnh đã sử dụng

Alt + F9 Giải nén tập tin nén

Alt + F10 Mở cửa sổ cây thư mục của thư mục hiện hành

Shift + F1 Mở thực đơn lệnh tùy biến cách hiển thị các cột trong cửa sổ

Shift + F2 So sánh danh sách các tập tin ở 2 cửa sổ

Shift + F3 Chỉ xem các tập tin bên dưới vị trí con trỏ đang đứng trong trường hợp có nhiều tập tin được chọn

Shift + F4 Tạo mới một tập tin văn bản và mở bằng trình soạn thảo Editor để soạn

Shift + F5 Sao chép và đổi tên trong cùng một thư mục

Shift + F6 Đổi tên một tập tin trong cùng thư mục

Shift + F10 Hiển thị thực đơn lệnh ngữ cảnh

Ctrl + F1 Hiển thị tên tập tin ở dạng ngắn gọn - chỉ hiển thị phần tên

Ctrl + Shift + F1 Hiển thị hình ảnh dưới dạng thu nhỏ - thumbnail.

Ctrl + F2 Hiển thị tất cả các thông tin chi tiết về tập tin.

Ctrl + Shift + F2 Hiển thị chú thích đi kèm với tập tin

Ctrl + F3 Sắp xếp theo tên

Ctrl + F4 Sắp xếp theo kiểu tập tin

Ctrl + F5 Sắp xếp theo ngày giờ

Ctrl + F6 Sắp xếp theo dung lượng

Ctrl + F7 Hủy sắp xếp

Ctrl + F8 Hiển thị cây thư mục

Ctrl + F9 In tập tin với chương trình tương ứng

Ctrl + F10 Hiển thị tất cả các tập tin

Ctrl + F11 Hiển thị các tập tin thực thi (*.exe, *.bat, *.cmd, *.pif, *.com)

Ctrl + F12 Hiển thị các kiểu tập tin mới do người sử dụng định nghĩa

Ctrl + A Chọn tất cả

Ctrl + B Hiển thị nội dung của thư mục hiện hành và liệt kê tất cả các thư mục con, tập tin của nó.

Ctrl + C Sao chép tập tin thư mục vào Clipboard

Ctrl + D Mở danh sách các đánh dấu

Ctrl + F Kết nối đến máy chủ FTP

Ctrl + Shift + F Hủy kết nối đến máy chủ FTP

Ctrl + I Chuyển đến thư mục đích

Ctrl + L Xem dung lượng của tập tin đã chọn

Ctrl + M Đổi tên hàng loạt

Ctrl + Shift + M Thay đổi chế độ truyền tải FTP

Ctrl + N Tạo kết nối FTP mới

Ctrl + P Sao chép đường dẫn hiện tại vào dòng lệnh

Ctrl + R Mở lại thư mục nguồn

Ctrl + T Mở thẻ Folder mới và kích hoạt nó

Ctrl + Shift + T Mở thẻ Folder mới nhưng không kích hoạt

Ctrl + U Hoán chuyển vị trí 2 thư mục ở 2 cửa sổ

Ctrl + V Dán các tập tin, thư mục từ Clipboard vào thư mục hiện hành

Ctrl + X Cắt tập tin, thư mục vào Clipboard

Ctrl + Z Nhập chú thích cho tập tin

Ctrl + Mũi tên lên Mở thư mục trên dưới con trỏ trong thẻ mới

Ctrl + Tab Di chuyển đến thẻ tiếp theo

Ctrl + Shift + Tab Di chuyển đến thẻ trước đó

Ctrl + Dấu cộng Chọn tất cả

Ctrl + Dấu trừ Bỏ chọn tất cả

Ctrl + Pg Down, Backspace Chuyển lên thư mục cha

Ctrl + <-- Chuyển lên thư mục gốc ổ đĩa (bàn phím Châu Âu)

Ctrl + \ Chuyển lên thư mục gốc ổ đĩa (bàn phím US)

Alt + --> Chuyển đến thư mục tiếp theo

Alt + <-- Chuyển đến thư mục trước đó

Tab Chuyển qua lại giữa cửa sổ trái và phải

Insert, Phím cách Chọn, hoặc bỏ chọn tập tin, thư mục

Ký tự bất kỳ Chuyển qua chế độ dòng lệnh

Alt + Dấu cộng Chọn các tập tin có cùng kiểu

Alt + Enter Hiện thị cửa sổ thuộc tính của tập tin, thư mục đang chọn